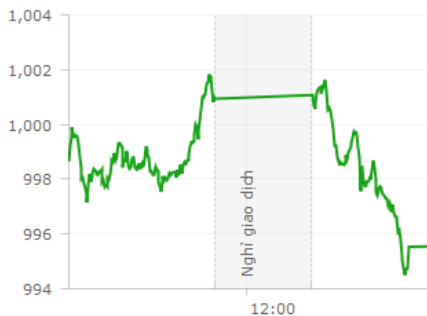
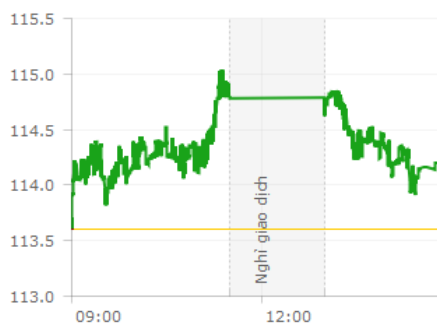


Vn-index: 2.05 điểm (0.21%)



Hnx-index: 0.60 điểm (0.53%)



Upcom-index: 0.48 điểm (0.93%)



Đuối Sức Về Cuối Phiên, Vn-index Chưa Thể Chinh Phục Mốc 1.000 Điểm!

Tổng hợp: (Phiên giao dịch ngày 19/09/2018). Áp lực chốt lời gia tăng mạnh trong phiên chiều khiến thị trường đuối sức và chỉ số VN-Index một lần nữa chinh phục bất thành mốc 1.000 điểm. Kết thúc phiên, VN-Index tăng 2,05 điểm (0,21%) lên 995,54 điểm với khối lượng giao dịch đạt 244,42 triệu CP, trị giá 5.120,12 tỷ đồng; HNX-Index tăng 0,6 điểm (0,53%) lên 114,2 điểm với khối lượng giao dịch đạt 63,2 triệu CP, trị giá 828,5 tỷ đồng.

Thanh khoản: Thanh khoản thị trường phiên hôm nay tăng mạnh so với các phiên gần đây, tổng khối lượng giao dịch trên 2 sàn đạt 307,6 triệu cổ phiếu, trị giá gần 6.000 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch thỏa thuận chiếm 39,3 triệu CP, trị giá 953,4 tỷ đồng. Đáng chú ý có giao dịch thỏa thuận của 24,23 triệu CP HNG trị giá 379,4 tỷ đồng; 2,38 triệu CP ROS trị giá 97,34 tỷ đồng; 0,925 triệu CP MSN trị giá 86 tỷ đồng...

Điểm nhấn: Thị trường khá sôi động trong phiên sáng, giúp chỉ số Vn-index chinh phục ngưỡng tâm lý 1.000 điểm. Tuy nhiên, ngưỡng kháng cự 1.000 điểm khá mạnh nên ngay lập tức áp lực bán đổ mạnh vào thị trường khiến đà hưng phấn bị chấm dứt. Đà tăng của nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn trên thị trường cũng bị thu hẹp đáng kể, thậm chí nhiều cổ phiếu trụ cột như VIC, VNM, SAB, MWG, CTG... còn lùi xuống dưới mốc tham chiếu. Ở nhóm dầu khí, một số mã như PLX, PVB và PVD cũng đảo chiều giảm trở lại khi mà phiên sáng tăng tốt.

Tuy vậy, các chỉ số vẫn duy trì được đà tăng dù không còn mạnh như trong phiên sáng. Đó phần lớn là nhờ lực đẩy tăng điểm đến từ các vốn hóa lớn như GAS, TCB, VPB, MBB, MSN... GAS kết phiên tăng 2,3% lên 112.100 đồng/CP. TCB tăng 1,7% lên 26.600 đồng/CP. VPB tăng 2% lên 24.950 đồng/CP. Ngoài ra, các nhóm cổ phiếu chứng khoán, ngân hàng, bất động sản tuy bị chốt lời nhưng nhìn chung vẫn có khá nhiều mã giữ được sắc xanh tăng điểm. Và điểm đáng chú ý trong phiên hôm nay là dòng CP dệt may, tiếp tục có phiên bứt phá tăng điểm khá ấn tượng như TNG, ADS, STK, VGT tăng trần.

Khôi ngoại: Sau phiên bán ròng hôm qua, thì khối ngoại lại quay về trạng thái mua ròng trên cả 2 sàn trong phiên hôm nay. Cụ thể, trên sàn HSX họ giao dịch trị giá 1.110,56 tỷ với giá trị mua ròng đạt 63,94 tỷ đồng. Trên sàn HNX, họ giao dịch trị giá 69,64 tỷ với giá trị mua ròng đạt 25,58 tỷ đồng.

Nhóm ngành: Áp lực chốt lời dâng cao, đặc biệt khi chỉ số Vn-index chạm đến ngưỡng tâm lý 1.000 điểm, tuy nhiên kết thúc phiên thì sắc xanh vẫn chiếm ưu thế trên các nhóm ngành. Có 13/18 nhóm ngành tăng điểm, nhưng biên độ tăng đã bị thu hẹp đáng kể về cuối phiên. Dẫn đầu đà tăng là nhóm khí đốt tăng 1,87%, theo sau là nhóm công nghệ thông tin và hàng gia dụng với mức tăng 0,98% và 0,87%, còn lại các nhóm khác đều có mức tăng khá nhẹ nhàng. Trong chiều hướng giảm thì nhóm truyền thông giảm sâu nhất

Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy
 Xu thế trung hạn: Điều chỉnh
 Xu thế dài hạn: Tăng

Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy
 Xu thế trung hạn: Điều chỉnh
 Xu thế dài hạn: Tăng

1,92%, giảm thứ 2 là nhóm dầu khí đã quay đầu điều chỉnh giảm 0,57%, còn các nhóm khác có mức giảm không đáng kể.

Nhóm CP vốn hóa lớn: Trong top 10 cổ phiếu có vốn hóa lớn, VNM giữ mức giảm nhẹ 0,1% xuống 137.800 đồng/CP, trong khi VIC và SAB cùng nới rộng biên độ giảm với mức giảm tương ứng 1% xuống 98.600 đồng/CP và giảm 1,3% xuống 220.000 đồng/CP; thêm vào đó 2 mã lớn ngân hàng là VCB và CTG cùng đảo chiều giảm nhẹ. Trái lại, GAS tăng 2,3% lên 112.100 đồng/CP, MSN tăng 1,2% lên 91.200 đồng/CP, TCB tăng 1,7% lên 26.600 đồng/CP, BID tăng nhẹ 0,1% lên 35.300 đồng/CP.

Nhóm CP vừa và nhỏ: Ở nhóm cổ phiếu thị trường vừa và nhỏ, các mã vẫn đua nhau khởi sắc như DLG, FLC, SCR, HBC, KBC, DXG, ITA, HAG, QCG... Trong đó, DLG tăng kịch trần sau thông tin chốt danh sách cổ đông trả cổ tức và có khối lượng khớp lệnh hơn 7 triệu đơn vị, đứng thứ 4 về thanh khoản trên sàn HOSE.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ: Áp lực chốt lời dâng cao về cuối phiên, khiến cho cả 2 chỉ số thu hẹp đà tăng đáng kể so với phiên sáng. Điểm nổi bật là thanh khoản tăng rất tốt cả về khối lượng lẫn giá trị giao dịch và là phiên có thanh khoản cao nhất trong 3 tháng trở lại đây. Áp lực bán đã trở nên quyết liệt hơn khi chỉ số Vn-index chạm đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.000 điểm khiến cho thị trường có phần rung lắc. Tuy nhiên, xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn vẫn đang chiếm ưu thế và có khả năng cần thêm thời gian tích lũy để có thêm xung lực vượt qua ngưỡng 1.000 điểm. Trước quan điểm đó, chúng tôi vẫn duy trì trạng thái nắm giữ CP với tỷ lệ lớn hơn tiền mặt và chờ thêm tín hiệu đột phá để tăng dần thêm tỷ trọng CP.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ADS	16,050	1,050	7.00%	60,190
VMD	22,300	1,450	6.95%	820
MCP	24,650	1,600	6.94%	370
TIX	34,000	2,200	6.92%	280
RAL	97,700	6,300	6.89%	23,100

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
DPS	1,000	100	11.11%	314,600
THS	11,000	1,000	10.00%	1,000
TNG	15,400	1,400	10.00%	1,421,476
V21	14,300	1,300	10.00%	100
SDG	22,400	2,000	9.80%	100

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
CMX	5,880	-440	-6.96%	19,080
FUCVREIT	8,190	-610	-6.93%	460
TCO	12,100	-900	-6.92%	250
HOT	28,400	-2,100	-6.89%	110
TMT	9,220	-680	-6.87%	17,780

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVV	700	-100	-12.50%	48,310
KHS	10,800	-1,200	-10.00%	7,400
SRA	44,200	-4,900	-9.98%	79,916
NSH	7,300	-800	-9.88%	45,115
PSW	7,300	-800	-9.88%	100

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	12,550	150	1.21%	11,799,070
HSG	12,250	150	1.24%	9,113,780
VPB	24,950	500	2.04%	7,585,640
DLG	2,880	180	6.67%	7,057,760
PVD	17,500	-50	-0.28%	5,822,110

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	8,600	200	2.38%	16,324,254
VGC	18,900	200	1.07%	3,697,398
HUT	5,300	200	3.92%	3,254,554
VCG	18,100	100	0.56%	2,922,783
BII	1,400	100	7.69%	2,265,648

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

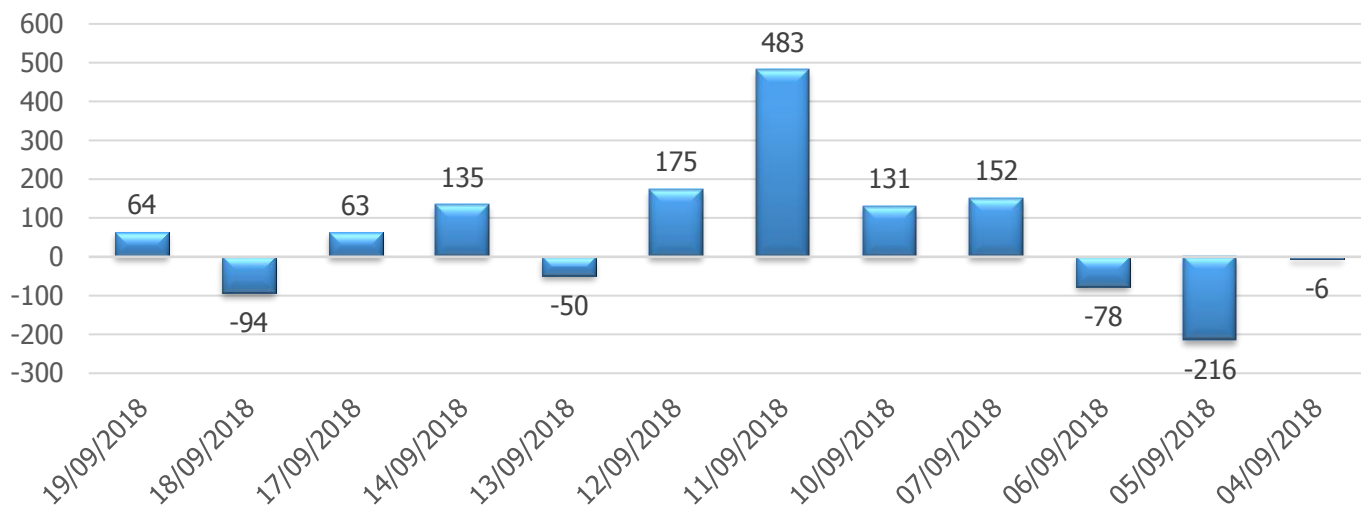
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	12,550	150	1.21%	11,799,070
HSG	12,250	150	1.24%	9,113,780
VPB	24,950	500	2.04%	7,585,640
DLG	2,880	180	6.67%	7,057,760
FLC	6,070	10	0.17%	5,949,780

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

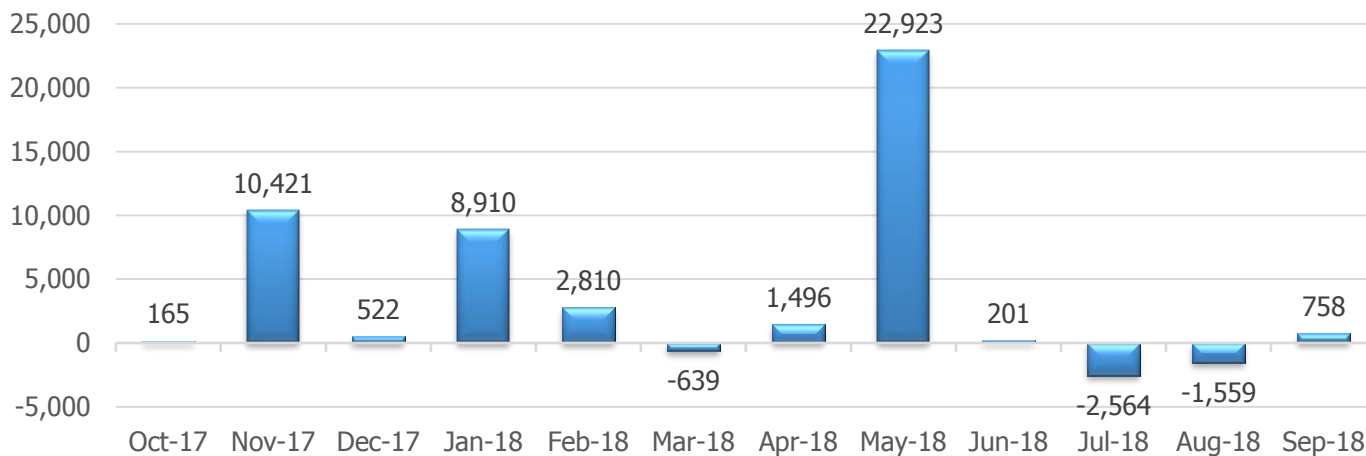
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	8,600	200	2.38%	16,324,254
PVS	23,300	500	2.19%	7,139,713
VGC	18,900	200	1.07%	3,697,398
HUT	5,300	200	3.92%	3,254,554
VCG	18,100	100	0.56%	2,922,783

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VNM	33.37	VRE	37.36
STB	30.32	PVD	20.69
GAS	23.47	VIC	20.50
KDC	21.78	HPG	18.89
DXG	20.82	MSN	16.26

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
PVS	13.86	BVS	0.61
VGC	8.02	VCS	0.56
MBS	1.96	SHS	0.48
CEO	1.35	PVG	0.11
SHB	0.86	NTP	0.09

DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM

Vina Capital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	83,788	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.30	2.30	5,461,456	39,650	46.69%
2	VNM	10.90%	240,318	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.51	9.23	1,088,179	137,800	14.39%
3	ACV	9.00%	183,528	12,877	2,559	11.1%	20.3%	32.94	6.55	127,857	84,000	46.01%
4	KDH	6.30%	12,895	16,461	1,591	5.5%	8.5%	20.90	2.02	357,918	33,600	41.91%
5	PNJ	6.10%	16,052	20,764	5,341	18.8%	28.3%	18.54	4.77	486,515	99,400	34.18%
6	VJC	4.70%	80,808	21,699	8,715	15.1%	45.4%	17.12	6.88	884,049	149,400	87.45%
7	QNS	3.20%	11,241	16,802	3,697	14.7%	23.7%	10.39	2.29	210,563	38,400	-32.83%
8	EIB	3.10%	16,966	12,183	1,003	0.9%	8.6%	13.75	1.13	2,569,870	13,850	7.81%
9	CTD	3.00%	12,722	97,180	21,408	11.2%	22.5%	7.59	1.67	243,806	162,500	-20.46%
10	PVS	2.60%	10,185	23,998	1,621	3.1%	6.0%	14.07	0.95	5,305,280	23,300	44.81%
	Tổng	62.80%										

Dragon Capital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	41,780	14,688	2,887	1.2%	21.5%	11.60	2.28	4,587,519	33,500	50.27%
2	MWG	7.20%	39,389	23,262	8,487	12.2%	41.3%	14.37	5.24	573,877	121,900	8.35%
3	MBB	7.07%	47,746	13,767	2,083	1.4%	14.9%	10.61	1.61	6,047,600	22,400	22.62%
4	VNM	6.27%	240,318	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.51	9.23	1,088,179	137,800	14.39%
5	KDH	5.13%	12,895	16,461	1,591	5.5%	8.5%	20.90	2.02	357,918	33,600	41.91%
6	HPG	4.04%	83,788	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.30	2.30	5,461,456	39,650	46.69%
7	FPT	4.00%	27,487	19,170	5,078	11.7%	23.0%	8.82	2.34	1,525,741	45,450	11.87%
8	GAS	3.94%	209,769	22,568	5,878	17.5%	25.7%	18.64	4.86	660,509	112,100	69.30%
9	ACV	3.59%	183,528	12,877	2,559	11.1%	20.3%	32.94	6.55	127,857	84,000	46.01%
10	VJC	3.37%	80,808	21,699	8,715	15.1%	45.4%	17.12	6.88	884,049	149,400	87.45%
	Tổng	51.81%										

Dragon Capital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	59,244	13,614	3,068	2.6%	24.1%	7.97	1.80	4,724,344	24,950	6.07%
2	MWG	13.30%	39,389	23,262	8,487	12.2%	41.3%	14.37	5.24	573,877	121,900	8.35%
3	PNJ	8.57%	16,052	20,764	5,341	18.8%	28.3%	18.54	4.77	486,515	99,400	34.18%
4	FPT	4.88%	27,487	19,170	5,078	11.7%	23.0%	8.82	2.34	1,525,741	45,450	11.87%
5	MBB	4.79%	47,746	13,767	2,083	1.4%	14.9%	10.61	1.61	6,047,600	22,400	22.62%
6	DHG	4.63%	12,303	22,362	4,549	14.3%	21.0%	20.69	4.21	263,724	95,300	-12.74%
7	CTD	4.60%	12,722	97,180	21,408	11.2%	22.5%	7.59	1.67	243,806	162,500	-20.46%
8	CII	4.18%	6,314	20,276	-60	-0.1%	-0.2%	429.75	1.27	709,223	25,800	-19.12%
9	CTI	3.52%	1,594	19,388	2,162	3.1%	9.6%	11.70	1.30	324,989	25,000	-14.67%
10	VCI	3.41%	9,943	22,184	5,635	13.6%	28.3%	10.82	2.75	189,234	62,400	49.01%
	Tổng	62.80%										

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	9.17%	317,885	13,105	1,136	1.6%	5.8%	87.67	7.60	2,670,051	98,600	145.96%
2	NVL	7.43%	61,531	18,333	2,255	3.7%	13.6%	29.84	3.67	4,773,930	66,000	41.96%
3	VNM	8.51%	240,318	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.51	9.23	1,088,179	137,800	14.39%
4	CTG	7.11%	100,160	18,191	2,085	0.7%	11.9%	12.90	1.48	6,157,122	26,800	45.72%
5	MSN	6.57%	94,898	16,155	5,241	8.9%	26.1%	17.19	5.58	1,403,177	91,200	60.04%
6	ROS	3.80%	22,732	10,141	1,374	7.6%	14.0%	29.15	3.95	1,215,957	40,050	-59.20%
7	HPG	4.41%	83,788	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.30	2.30	5,461,456	39,650	46.69%
8	Mani	4.82%	111	12,076	1,030	6.5%	8.8%	7.08	0.60	32,176	7,000	6.09%
9	SSI	4.14%	15,995	18,167	2,589	6.6%	14.4%	12.36	1.76	4,829,367	32,250	29.08%
10	Eclat	4.57%	16	17,210	1,625	6.8%	9.5%	5.54	0.52	24	9,000	-30.07%
11	BVH	4.17%	67,986	21,713	1,816	1.3%	8.4%	53.42	4.47	251,696	97,500	75.46%
12	Synopex	2.89%	832	15,140	1,592	8.2%	9.6%	7.79	0.82	47,239	12,400	24.72%
13	SOCO	4.25%	4,556	12,458	1,131	2.7%	6.3%	10.70	0.97	2,032	12,600	0.00%
14	RMIL	3.01%	11	10,483	1,079	0.0%	0.0%	9.26	0.95	0	10,000	0.00%
15	Hansae	3.46%	1,509	10,943	816	0.0%	0.0%	13.11	0.98	188	10,700	5.94%
16	VCG	1.81%	7,951	14,438	2,875	6.1%	16.7%	6.26	1.25	970,405	18,100	-8.29%
17	STB	2.52%	22,365	13,112	819	0.4%	6.3%	15.14	0.95	6,219,102	12,550	5.08%
18	SBT	1.94%	10,107	12,580	1,115	3.0%	8.0%	18.30	1.62	4,323,305	20,900	-30.38%
19	TCH	2.25%	8,549	12,751	1,075	7.8%	8.7%	22.51	1.90	1,097,673	24,450	60.60%
20	MCNEX	1.35%	20	0	-2,371	0.0%	0.0%	-2.36	0.00	45	5,600	5.66%
21	KDC	1.34%	6,273	29,308	-82	-0.2%	-0.2%	372.64	1.04	337,379	30,450	-23.24%
22	DPM	1.24%	6,809	20,047	1,624	5.9%	7.8%	10.71	0.87	682,233	17,550	-15.66%
23	NT2	1.56%	8,061	12,728	2,980	8.4%	18.5%	9.40	2.20	436,209	27,900	35.11%
24	HSG	0.07%	4,657	13,568	1,861	3.1%	13.4%	6.50	0.89	3,208,746	12,250	-52.43%
25	DCMI	0.19%	5,347	12,289	925	3.9%	7.8%	10.92	0.82	462,769	10,450	-19.24%
26	U.S.Dollar	0.08%	319	13,205	2,123	7.3%	14.5%	4.90	0.79	29,101	10,300	13.60%
27	VCB	6.43%	227,739	16,261	3,140	1.2%	20.3%	20.16	3.89	2,689,309	63,300	72.00%
28	VRE	5.06%	70,340	14,321	1,057	5.6%	7.9%	34.99	2.58	2,373,064	37,000	0.00%
Tổng		100%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	83,788	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.30	2.30	5,461,456	39,650	46.69%
2	VIC	15.41%	317,885	13,105	1,136	1.6%	5.8%	87.67	7.60	2,670,051	98,600	145.96%
3	MSN	15.32%	94,898	16,155	5,241	8.9%	26.1%	17.19	5.58	1,403,177	91,200	60.04%
4	VNM	12.55%	240,318	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.51	9.23	1,088,179	137,800	14.39%
5	VCB	6.80%	227,739	16,261	3,140	1.2%	20.3%	20.16	3.89	2,689,309	63,300	72.00%
6	NVL	5.84%	61,531	18,333	2,255	3.7%	13.6%	29.84	3.67	4,773,930	66,000	41.96%
7	ROS	5.14%	22,732	10,141	1,374	7.6%	14.0%	29.15	3.95	1,215,957	40,050	-59.20%
8	PVS	5.10%	10,185	23,998	1,621	3.1%	6.0%	14.07	0.95	5,305,280	23,300	44.81%
9	SSI	4.08%	15,995	18,167	2,589	6.6%	14.4%	12.36	1.76	4,829,367	32,250	29.08%
10	STB	2.88%	22,365	13,112	819	0.4%	6.3%	15.14	0.95	6,219,102	12,550	5.08%
Tổng		88.72%										

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bố	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnđ	vnđ	vnđ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnđ	%
1	VNM	5.65%	240,318	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.51	9.23	1,088,179	137,800	14.39%
2	VIC	2.76%	317,885	13,105	1,136	1.6%	5.8%	87.67	7.60	2,670,051	98,600	145.96%
3	MSN	1.81%	94,898	16,155	5,241	8.9%	26.1%	17.19	5.58	1,403,177	91,200	60.04%
4	HPG	1.43%	83,788	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.30	2.30	5,461,456	39,650	46.69%
5	ROS	0.63%	22,732	10,141	1,374	7.6%	14.0%	29.15	3.95	1,215,957	40,050	-59.20%
6	NVL	0.58%	61,531	18,333	2,255	3.7%	13.6%	29.84	3.67	4,773,930	66,000	41.96%
7	VRE	0.48%	70,340	14,321	1,057	5.6%	7.9%	34.99	2.58	2,373,064	37,000	0.00%
8	SSI	0.45%	15,995	18,167	2,589	6.6%	14.4%	12.36	1.76	4,829,367	32,250	29.08%
9	STB	0.32%	22,365	13,112	819	0.4%	6.3%	15.14	0.95	6,219,102	12,550	5.08%
10	SAB	0.28%	143,006	24,496	7,384	22.0%	30.1%	30.20	9.10	91,902	220,000	-18.25%
11	PVS	0.20%	10,185	23,998	1,621	3.1%	6.0%	14.07	0.95	5,305,280	23,300	44.81%
12	SBT	0.19%	10,107	12,580	1,115	3.0%	8.0%	18.30	1.62	4,323,305	20,900	-30.38%
13	HSG	0.15%	4,657	13,568	1,861	3.1%	13.4%	6.50	0.89	3,208,746	12,250	-52.43%
14	TCH	0.14%	8,549	12,751	1,075	7.8%	8.7%	22.51	1.90	1,097,673	24,450	60.60%
15	DPM	0.13%	6,809	20,047	1,624	5.9%	7.8%	10.71	0.87	682,233	17,550	-15.66%
16	KBC	0.10%	5,708	18,217	937	2.8%	4.8%	12.97	0.67	2,753,102	12,400	-16.21%
Tổng		15.3%										

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Gía Mua cao nhất	Gía Bán cao nhất	Cắt lỗ	Gía đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	LHG	20.9	23.2	19.0	21.25	20.70					Chờ khớp
	DGW	26.3	29.1	23.9	26.60	26.00					Chờ khớp
	DCM	10.4	11.5	9.5	10.45	10.30					Chờ khớp
	PXS	6.3	7.0	5.8	6.52	6.25					Chờ khớp
	QCG	8.4	9.3	7.6	8.60	8.30					Chờ khớp
	OIL	15.0	16.7	13.7	15.30	14.90					Chờ khớp
	SDI	59.3	65.7	54.0	60.00	58.70					Chờ khớp
	BSR	18.7	20.7	17.0	18.90	18.50					Chờ khớp
Danh Mục Đang Năm Giữ	BMP	58.0	64.3	52.8	58.80	57.40		18/09/2018		2.4%	Năm giữ
	PHR	26.6	29.5	24.2	26.50	26.30		18/09/2018		0.8%	Năm giữ
	VNS	17.4	19.3	15.8	17.00	17.20		18/09/2018		-1.2%	Năm giữ
	DHG	93.4	103.6	85.1	95.30	92.50		14/09/2018		3.0%	Năm giữ
	NT2	27.9	30.9	25.4	27.90	27.60		14/09/2018		1.1%	Năm giữ
	HSG	11.2	12.4	10.2	12.25	11.10		14/09/2018		10.4%	Năm giữ
	POM	15.2	16.8	13.8	15.10	15.00		13/09/2018		0.7%	Năm giữ
	PDR	25.9	28.7	23.6	25.40	25.60		12/09/2018		-0.8%	Năm giữ
	SSI	32.0	35.5	29.2	32.25	31.70		12/09/2018		1.7%	Năm giữ
PAC	40.8	45.2	37.2	43.05	40.40		10/09/2018		6.6%	Năm giữ	

	NDN	14.0	15.6	12.8	14.60	13.90		07/09/2018		5.0%	Nắm giữ
	AMD	3.7	4.1	3.4	3.77	3.70		05/09/2018		1.9%	Nắm giữ
	ASM	12.8	14.2	11.7	12.70	12.70		05/09/2018		0.0%	Nắm giữ
	SLS	65.7	72.8	59.8	68.80	65.00		31/08/2018		5.8%	Nắm giữ
	HDB	38.2	42.3	34.8	38.50	37.80		31/08/2018		1.9%	Nắm giữ
	CAP	42.1	46.7	38.4	41.90	41.70		31/08/2018		4.9%	Nắm giữ
	CSM	14.1	15.7	12.9	14.30	14.00		23/08/2018		2.1%	Nắm giữ
	DPR	37.1	41.1	33.8	37.10	36.70		23/08/2018		1.1%	Nắm giữ
	NTC	65.7	72.8	59.8	71.00	65.00		16/08/2018		23.1%	Nắm giữ
	EIB	14.2	15.8	13.0	13.85	14.10		22/08/2018		-1.8%	Nắm giữ
	PAN	59.5	66.0	54.2	59.90	58.90		21/08/2018		1.7%	Nắm giữ
	CAV	55.7	61.7	50.7	56.20	55.10		14/08/2018		2.0%	Nắm giữ
	VDP	32.3	35.8	29.4	32.00	32.00		13/08/2018		0.0%	Nắm giữ
	SAB	206.0	228.5	187.7	220.00	204.00		10/08/2018		7.8%	Nắm giữ
	EVE	16.7	18.5	15.2	16.85	16.5		26/07/2018		2.1%	Nắm giữ
	BFC	26.7	29.6	24.3	26.90	26.4		24/07/2018		1.9%	Nắm giữ
	QNS	40.2	44.6	36.6	38.40	39.8		20/07/2018		-3.5%	Nắm giữ
	PPC	18.2	20.2	16.6	18.50	18.0		19/07/2018		2.8%	Nắm giữ
	LTG	38.4	42.6	35.0	36.60	38.00		25/06/2018		-3.7%	Nắm giữ
Danh Mục Đã Bán	FMC	21.5	23.9	19.6	26.10	21.30	26.5	13/08/2018	17/09/2018	24.4%	Đã bán
	PVT	15.0	16.7	13.7	16.75	14.9	17.0	12/07/2018	28/08/2018	21.5%	Đã bán
	PVS	16.7	18.5	15.2	18.90	16.5	19.2	19/07/2018	16/08/2018	16.4%	Đã bán
	NVB	7.4	8.2	6.7	8.10	7.30	8.2	15/08/2018	28/08/2018	12.3%	Đã bán
	OGC	2.0	2.2	1.8	2.10	2.00	2.2	08/08/2018	16/08/2018	10.0%	Đã bán
	CEO	12.9	14.3	11.8	13.80	12.80	13.5	15/08/2018	05/09/2018	10.9%	Đã bán
	DXG	25.3	28.0	23.0	27.20	25.0	27.0	02/08/2018	05/09/2018	8.0%	Đã bán
	GMD	25.3	28.0	23.0	27.00	25.0	27.0	02/08/2018	13/09/2018	8.0%	Đã bán
	PVD	13.7	15.2	12.5	15.10	13.6	14.6	02/08/2018	16/08/2018	7.4%	Đã bán
	OIL	14.4	16.0	13.2	15.10	14.3	15.2	20/07/2018	16/08/2018	6.3%	Đã bán
	SHB	8.3	9.2	7.5	8.50	8.20	8.5	16/08/2018	04/09/2018	3.7%	Đã bán
	VCG	17.3	19.2	15.7	17.60	17.10	17.5	27/06/2018	16/08/2018	2.3%	Đã bán
	PVC	6.7	7.4	6.1	6.30	6.60	6.7	07/08/2018	16/08/2018	1.5%	Đã bán
	DGL	39.8	44.1	36.2	40.00	39.40	40.0	30/08/2018	05/09/2018	1.5%	Đã bán
	SKG	21.4	23.7	19.5	21.40	21.20	21.6	07/08/2018	05/09/2018	1.9%	Đã bán
	PHC	16.5	18.3	15.0	15.70	16.3	16.1	31/07/2018	19/09/2018	-1.2%	Đã bán
	HPX	27.7	30.7	25.2	27.00	27.40	27.1	15/08/2018	18/09/2018	-1.1%	Đã bán
	TLH	7.4	8.2	6.7	7.11	7.30	7.1	15/08/2018	18/09/2018	-2.6%	Đã bán
	AAA	17.6	19.5	16.0	16.70	17.40	17.0	06/09/2018	18/09/2018	-2.3%	Đã bán
	NTL	10.2	11.3	9.3	9.70	10.1	9.7	20/07/2018	10/09/2018	-4.0%	Đã bán
FTS	13.5	15.0	12.3	13.00	13.4	13.0	31/07/2018	06/09/2018	-3.0%	Đã bán	
CVN	4.3	4.8	4.0	4.00	4.30	4.0	30/08/2018	06/09/2018	-7.0%	Đã bán	

SSI	31.6	35.1	28.8	30.70	31.30	30.9	29/08/2018	05/09/2018	-1.3%	Đã bán
MBB	24.1	26.8	22.0	23.10	23.90	22.8	14/08/2018	05/09/2018	-4.6%	Đã bán
VRE	42.4	47.0	38.6	39.60	42.0	39.9	19/07/2018	30/08/2018	-5.0%	Đã bán
KDC	34.0	37.7	31.0	31.40	33.70	31.4	26/06/2018	23/08/2018	-2.0%	Đã bán
DHG	101.7	112.8	92.6	96.00	100.7	96.0	17/07/2018	21/08/2018	-4.7%	Đã bán
VPB	27.2	30.1	24.7	24.90	26.9	25.3	31/07/2018	21/08/2018	-5.9%	Đã bán
KDH	30.7	34.0	28.0	29.10	30.4	29.2	31/07/2018	17/08/2018	-3.9%	Đã bán
HAX	16.5	18.3	15.0	15.25	16.30	15.0	25/06/2018	14/08/2018	-8.0%	Đã bán
TLD	10.5	11.6	9.6	15.5	10.4	14.5	30/05/2018	03/07/2018	38.9%	Đã bán
TNI	6.5	7.2	5.9	8.7	6.4	8.7	14/05/2018	10/07/2018	35.9%	Đã bán
NVT	4.6	5.2	4.2	5.98	4.60	6.0	28/06/2018	11/07/2018	30.4%	Đã bán
GTN	9.5	10.5	8.6	11.10	9.4	11.4	19/07/2018	27/07/2018	21.3%	Đã bán
VIB	24.7	27.4	22.5	27.10	24.50	27.5	11/07/2018	25/07/2018	12.2%	Đã bán
VRC	16.2	17.9	14.7	17.0	16.0	16.7	30/05/2018	03/07/2018	4.4%	Đã bán
PVS	16.7	18.5	15.2	16.7	16.5	16.7	21/06/2018	03/07/2018	1.2%	Đã bán
PVC	5.8	6.4	5.2	5.9	5.7	5.8	21/06/2018	03/07/2018	1.8%	Đã bán
CII	26.3	29.1	23.9	26.50	26.00	26.5	11/07/2018	26/07/2018	1.9%	Đã bán
DPM	18.1	20.0	16.5	17.60	17.9	18.0	26/06/2018	14/08/2018	0.6%	Đã bán

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**
Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: khanglc@vn-cs.com

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hương**
Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh

Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: minhnd@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: khanglc@vn-cs.com

Đỗ Thị Hương

Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099
Webiste: www.vn-cs.com